

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2023/HC-PT
Ngày: 20 - 4 - 2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tươi

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 37/2021/TLST-HC ngày 08/3/2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2022/HC-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 650/2023/QĐPT-HC ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Huỳnh Văn Nh, sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ: Số 41 đường H, Khu phố 3, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu X - Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Hữu X thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. (có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An là ông Nguyễn Văn M – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Đỗ Thành Anh T – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1947; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 41 đường H, Khu phố 3, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An.

2/ Ông Đặng Thành T, sinh năm 1977; (vắng mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà G: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện V, tỉnh Long An. (có mặt)

4/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966. (vắng mặt)

5/ Bà Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 36 đường Trần Công V, Khu phố 3, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An.

6/ Bà Trương Thị H, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 164 đường Nguyễn Tư G, Phường 12, quận Gò V, thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thành T và bà Nguyễn Thị Cẩm G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/01/2021 và lời trình bày của người khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa có nội dung:

Nguyên vào trước những năm 1975 gia đình ông Nh đã đến cư trú tại ấp H, xã B, huyện M, tỉnh Long An. Trải qua quá trình sinh sống tại địa phương cho đến hôm nay gia đình ông Nh vẫn chưa đăng ký quyền sử dụng đất với mảnh đất mà gia đình đã khai phá và hiện tại ông Nh đang quản lý, sử dụng. Mảnh đất thuộc tờ bản đồ số 4, thửa số 164, địa chỉ thửa đất ấp Hòa Hiệp, xã Bình Hòa Tây, huyện M, tỉnh Long An. Vào tháng 04 năm 2020 ông Nh có đến Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa Tây xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất nêu trên và đã được cấp có thẩm quyền xác nhận là đất không tranh chấp. Khi cán bộ thực hiện việc đo đạc để tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nh thì phát hiện ra rằng thửa đất mà gia đình ông Nh đang quản lý, sử dụng từ khi khai phá cho đến nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Thành T và bà Nguyễn Thị Cẩm G. Nay ông Nh yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đặng Thành T và bà Nguyễn Thị Cẩm G đối với thửa đất 164, tờ bản đồ số 4.

Tại Văn bản số 1205/UBND-TNMT ngày 31 tháng 5 năm 2021 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An nhận thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Thành T và bà Nguyễn Thị Cẩm G được thực hiện theo hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính, không thực hiện đo đạc thực tế mà thực hiện trích lục bản đồ địa chính và đã được thực hiện theo đúng trình tự pháp luật qui định. Ngoài ra, kiến nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An trước khi xét xử có thể tiến hành xác minh thực tế, thu nhập thông tin và chứng cứ để việc xét xử đảm bảo minh bạch, khách quan và đúng theo qui định của pháp luật.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thành T, Nguyễn Thị Cẩm G có lời trình bày có nội dung như sau:

Ngày 31/3/2014 qua giới thiệu vợ chồng ông T, bà G ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh L diện tích đất là 25.222 m² gồm các thửa đất 08, 10, 11, 164 và 170 tờ bản đồ số 4 đất tọa lạc tại xã Bình Hòa Tây, huyện M, tỉnh Long An với giá chuyển nhượng là 100.000.000đ/ha. Vợ chồng ông T đã thanh toán tiền đầy đủ cho vợ chồng ông L, bà L và ký Hợp đồng chuyển nhượng tại Phòng công chứng số 03 tỉnh Long An. Ngày 7/5/2014 vợ chồng ông T, bà G được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các thửa đất nêu trên. Vì sang nhượng nguyên thửa nên chính quyền không đo đạc và cũng không ai tranh chấp ngăn cản nên vợ chồng ông T, bà G nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất. Sau khi chuyển nhượng xong vợ chồng ông T, bà G cho anh Lâm Kim Dũng thuê từ năm 2014 đến nay. Khi chuyển nhượng đất của ông L, bà L thỏa thuận tính diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao nhiêu thì trả thành tiền trên tổng diện tích. Đến nay ông Huỳnh Văn Nh khởi kiện đòi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 164, tờ bản đồ số 4, diện tích 3165 m² trong quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T, bà G thì vợ chồng ông T, bà G mới phát hiện thửa đất ông Nh đang sử dụng là thửa đất 164 trong quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T, bà G. Thửa đất 164 vợ chồng ông T, bà G chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn L có trả tiền đầy đủ bằng Hợp đồng công chứng, do vậy ông Nh yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất 164 vợ chồng ông T, bà G không đồng ý. Vợ chồng ông T, bà G yêu cầu ông Nh trả lại diện tích đất 3.165m² thửa số 164, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại xã Bình Hòa Tây, huyện M, tỉnh Long An cho vợ chồng ông T, bà G.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh L có lời trình bày có nội dung như sau:

Trước đây vợ chồng ông L và bà L có chuyển nhượng cho vợ chồng T và bà G nhiều thửa đất trong đó có thửa đất 164, tờ bản đồ số 4. Đối với thửa đất 164, tờ bản đồ số 4 vợ chồng ông L, bà L có đứng tên nhưng thực tế vợ chồng ông L, bà L không quản lý, sử dụng thửa đất này. Theo ông L, bà L biết thì thửa đất này ông Huỳnh Văn Nh đang quản lý sử dụng. Khi chuyển nhượng đất cho ông T, bà G thì ông L, bà L với ông T, bà G có đo đạc thực tế và không hề đo đạc thửa đất 164. Mãi sau này sau khi chuyển nhượng xong thì ông L, bà L mới

biết thửa đất này do ông T đang đứng tên. Nay ông L, bà L yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét giải quyết cho ông Nh vì thửa đất này hiện nay ông Nh đang quản lý, sử dụng. Do bận công việc nên ông L, bà L xin phép được vắng mặt trong các buổi đối thoại và xét xử của Tòa án.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án số 59/2022/HC-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 2, Điều 20, Điều 99, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Nh. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 622734 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp cho ông Đặng Thành T và bà Nguyễn Thị Cẩm G vào ngày 07/5/2014 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ 04, diện tích 3.165m², đất tọa lạc xã Bình Hòa Tây, huyện M, tỉnh Long An.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 người khởi kiện ông Đặng Thành T và bà Nguyễn Thị Cẩm G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà G đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Lý do: Ngược gốc năm 1998 bà H có được cấp giấy do tập đoàn cấp chứ không phải của ông T (cha ông Nh), sau đó bà H bán cho bà L năm 2001 và năm 2014 bà L chuyển nhượng cho ông T, bà G. Năm 2014 ông T cho ông Dũng thuê lại sử dụng phần đất hơn 25.000m² đến năm 2020 ông T mới tranh chấp và phát hiện ra ông Nh đang sử dụng. Tại phiên tòa ông Nh cũng khai không sử dụng mà để ông T ở và chăn nuôi. Tòa án sơ thẩm không giải quyết dứt điểm vụ án, không giải quyết hợp đồng chuyển nhượng, không mời các bên liên quan để tham gia vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị hủy án toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Tòa án sơ thẩm đã hướng dẫn các bên giải quyết vụ án dân sự nhưng các bên không có đơn khởi kiện. Cấp sơ thẩm đã giải quyết thu thập chứng cứ đầy đủ nên đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đất có nguồn gốc của bà Trương Thị H sau đó bà H chuyển nhượng cho bà L, bà L cùng chồng là ông L chuyển nhượng cho ông T, bà G là những người nhận chuyển nhượng đất hợp pháp, là bên thứ ba ngay tình theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Dân sự và được UBND huyện M xác nhận việc chuyển nhượng theo đúng trình tự pháp luật. Do đó quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà G trong vụ án này cần được bảo vệ theo quy định Điều 133 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm chỉ tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận đã cấp cho ông T và bà G mà không giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà G là chưa giải quyết triệt để vụ án, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của bà G. Mặt khác, tại bản án sơ thẩm chỉ ghi nhận “người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H không có trình bày trong quá trình giải quyết vụ án” nhưng không tiến hành lấy lời khai của bà H (là người được cấp Giấy chứng nhận đầu tiên vào ngày 30/6/1998) mà chỉ căn cứ vào lời khai và chứng cứ từ phía người khởi kiện cung cấp để tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện là phiến diện và không đảm bảo tính khách quan.

Thứ hai căn cứ vào Văn bản 837/TCQLĐĐCĐKĐĐ ngày 11/5/2021 của Tổng cục quản lý đất đai hướng dẫn “về tăng cường biện pháp hủy giấy chứng nhận đã cấp” có nội dung “pháp luật đất đai không có quy định hủy một phần Giấy chứng nhận đã cấp. Căn cứ các quy định nêu trên thì việc quyết định hủy một phần diện tích trong Giấy chứng nhận đã cấp là không phù hợp quy định của pháp luật, không hủy bỏ được giá trị pháp luật của Giấy chứng nhận, dẫn đến rủi ro khi Giấy chứng nhận đã cấp vẫn còn tồn tại”. Như vậy, trong trường hợp nhận thấy việc cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất 164 cho ông T, bà G là trái pháp luật đất đai thì Tòa án sơ thẩm phải tuyên hủy toàn bộ Giấy chứng nhận cấp mới đúng. Do đó, việc tuyên hủy một phần giấy chứng nhận của Tòa án là vi phạm pháp luật về đất đai trong lĩnh vực cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do vậy, những vi phạm của Tòa án sơ thẩm là rất nghiêm trọng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T, bà G và cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Đặng Thành T và bà Nguyễn Thị Cẩm G nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

Qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trương Thị H thấy rằng: Vào năm 1997 bà H làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trong đó có thửa đất 164. Đến ngày 21/01/1998 bà H được xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất theo đơn yêu cầu trong đó có thửa đất 164. Đến ngày 30/4/1998 bà H được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trong đó có thửa đất 164. Tuy nhiên, đối với thửa đất 164, tờ bản đồ số 04 bà H không trực tiếp quản lý sử dụng mà gia đình ông Huỳnh Văn Nh trực tiếp quản lý, sử dụng từ trước năm 1975 đến nay. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đối với thửa đất số 164 là không đúng đối tượng theo quy định của Luật đất đai.

Nhận định trên phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Ánh L xác định đối với thửa đất 164 ông L và bà L chỉ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không có quản lý, sử dụng mà người quản lý, sử dụng là ông Huỳnh Văn Nh. Phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thành T xác định thửa đất 164 hiện ông Huỳnh Văn Nh quản lý, sử dụng. Phù hợp với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện M là qua xác minh có cơ sở xác định thửa đất 164 gia đình ông Nh và sau này là ông Nh quản lý, sử dụng. Phù hợp với biên bản thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Long An lập ngày 20/9/2021 xác định thửa đất số 164, tờ bản đồ số 04 ông Nh đang quản lý, sử dụng. Ông Nh đã san lấp mặt bằng, trên thửa đất 164 có 01 căn nhà kết cấu mái tôn, vách tôn, nền đất, 01 chuồng bò, 01 chuồng dê do ông Nh xây cất. Ngoài ra trên đất còn có 01 số cây trồng khác như cây trà, cây mít, cây dừa do ông Nh trồng.

Như vậy, có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 164, tờ bản đồ số 04 cho bà Trương Thị H là không đúng với qui định của pháp luật, là trái với quy định của Luật Đất đai năm 1993. Sau khi được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến ngày 04/6/2001 bà Trương Thị H làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất 164 cho bà Nguyễn Thị Ánh L. Bà Nguyễn Thị Ánh L được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/7/2001. Sau khi được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L và chồng là ông L tiếp tục chuyển nhượng thửa đất 164 cho ông Đặng Thành T và bà Nguyễn Thị Cẩm G theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/3/2014, đến ngày 07/5/2014 ông T, bà G được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do có cơ sở xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Trương Thị H đối với thửa đất số 164 không đúng với qui định của pháp luật nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà L và ông T, bà G đối với thửa đất số 164 không có giá trị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của ông T, bà G đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì không giải quyết hợp đồng chuyển nhượng là chưa giải quyết dứt điểm vụ án. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 20/4/2021 ông Đặng Thành T có yêu cầu ông Huỳnh Văn Nh trả lại cho ông T diện tích đất 3.165m² đất lúa, thửa số 164,

tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Bình Hòa Tây, huyện M, tỉnh Long An. Ngày 26/5/2021 Tòa án có làm việc với ông Nguyễn Văn Kh là người đại diện theo ủy quyền của ông T về yêu cầu của ông T thì ông Kh cho rằng ông Nh chỉ khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà G là chưa giải quyết dứt điểm vụ án nhưng ông T, bà G không có đơn khởi kiện vụ án dân sự. Tại biên bản về việc không thực hiện được phiên đối thoại ngày 15/11/2021 ông Kh yêu cầu toà án xem xét luận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L, bà L chuyển nhượng cho ông T, bà G nhưng ông Kh cũng như ông T, bà G không có đơn khởi kiện yêu cầu toà án xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên toà án sơ thẩm không có căn cứ để chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục giải quyết vụ án dân sự. Đến thời điểm Toà án nhân dân tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử và tại phiên toà sơ thẩm, ông Nh, ông Kh đều khẳng định không có ai làm đơn khởi kiện vụ án dân sự về việc xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L, bà L cho ông T, bà G thửa đất số 164, tờ bản đồ 04, diện tích 3.165m², đất tọa lạc xã Bình Hòa Tây, huyện M, tỉnh Long An nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục hành chính là phù hợp.

Trường hợp ông Đặng Thành T, bà Nguyễn Thị Cẩm G có yêu cầu xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các đương sự đối với đất số 164, tờ bản đồ 04, diện tích 3.165m², đất tọa lạc xã Bình Hòa Tây, huyện M, tỉnh Long An thì có quyền làm đơn khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của Luật Tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Nh là có căn cứ đúng pháp luật. Ông Đặng Thành T, bà Nguyễn Thị Cẩm G kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà G giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông Đặng Thành T và bà Nguyễn Thị Cẩm G phải chịu 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Thành T và bà Nguyễn Thị Cẩm G.

- Giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 2, Điều 20, Điều 99, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Nh.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 622734 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An cấp cho ông Đặng Thành T và bà Nguyễn Thị Cẩm G vào ngày 07/5/2014 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ 04, diện tích 3.165m², đất tọa lạc xã Bình Hòa Tây, huyện M, tỉnh Long An.

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn Nh chịu 2.100.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, ông Nh đã nộp xong.

Về án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn Nh không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nh 300.000đ (ba trăm ngàn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003072 ngày 05 tháng 3 năm 2021.

Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Long An phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Ông Đặng Thành T và bà Nguyễn Thị Cẩm G phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 0000458 ngày 04/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đường sự (8);
- Lưu: HS, VP. (16)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huyền Vân